

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **25** /2021/HS-ST

Ngày 28-6-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tân Nghị

Ông Nguyễn Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ THANH D, sinh ngày 12/02/1990; tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Phường H, quận C, Thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh V (s) và bà Mai Thị D (s); gia đình có 02 người con bị cáo là đầu; có chồng Trần Hoàng Q và hai con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án:

- Ngày 26/6/2010, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 15/7/2020, bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 15/9/2020, bị Tòa án nhân dân quận C, TP. Đà Nẵng xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 29/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện H, TP Đà Nẵng xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 01 năm 03 tháng tù về tội tàng Trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 02 năm 6 tháng tù.

Tiền sự: Ngày 24/12/2019, bị Công an phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Ngày 06/02/2007, bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 18/6/2007, bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của bản án trước, bị cáo D phải chấp hành 21 tháng tù;

- Ngày 24/02/2012, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 17/6/2014, bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 139/2020/QĐ-CA ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận C, tp Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1969; địa chỉ: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Trần Hoàng Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/3/2021, Nguyễn Thị Thanh D điều khiển xe mô tô BKS 43D1 – 924.26 đi từ nhà đến thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà của ông Lê Thanh H ở tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, D quan sát thấy nhà không đóng cửa nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D dừng xe lại rồi nhanh chóng đi vào trong nhà tìm tài sản. Tại khu vực phòng khách, D thấy chiếc quần tây treo ở phía sau cầu thang nên D lục lấy 01 chiếc ví da màu nâu bỏ trong túi quần, rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài.

Về đến nhà, D lấy ví ra kiểm tra bên trong có số tiền 6.500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân mang tên Lê Thanh H. D lấy hết số tiền trong ví cất vào túi áo của mình

rồi đem ví cùng với giấy tờ trong ví vứt bỏ phía sau nhà mình. Số tiền trộm cắp được, D trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện mất trộm tài sản, ông Lê Thanh H đã trình báo Cơ quan Công an. Qua làm việc, Nguyễn Thị Thanh D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng tạm giữ: Một ví da màu nâu; 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; một xe mô tô BKS 43D1 - 924.26; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 43X – 6386 mang tên Lê Thanh H; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ Bảo hiểm y tế; 01 thẻ khách hàng Agribank; 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV; 01 thẻ đoàn viên, 02 giấy phép lái xe A1, B2 tất cả đều mang tên Lê Thanh H.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSHV ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 06 năm tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 01/2020/QĐ-CA ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình để nuôi các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/3/2021, Nguyễn Thị Thanh D đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Lê Thanh Hòa ở tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, lục trong chiếc quần tây lấy trộm chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền 6.500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân mang tên Lê Thanh H. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh D đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh D là đối tượng được xác định có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và nhân thân nhiều lần chấp hành hình phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, theo đó từ năm 2007 đến tháng 9 năm 2020 bị cáo liên tục phải chấp hành hình phạt nhiều bản án của Tòa án nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng về hành vi trộm cắp tài sản của người khác; bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, lấy việc trộm cắp tài sản của người khác làm nguồn sống chính và tại bản án số 54/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo chưa xóa án tích đối với bản án này nhưng lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bản thân bị cáo nhận thức rất rõ hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nhưng để có tiền tiêu xài, trang trải cuộc sống hàng ngày bị cáo đã bất chấp pháp luật và tiếp tục phạm tội. Như vậy, với các tình tiết định khung hình phạt “có tính chất chuyên nghiệp” và “tái phạm nguy hiểm” quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự cần phải xử phạt bị cáo D mức án nghiêm minh để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, ông Lê Thanh H là bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 06 năm tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 01/2020/QĐ-CA ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng pháp luật và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra huyện H đã trả lại cho ông Lê Thanh H: 01 ví da màu nâu; 1.300.000 đồng và toàn bộ giấy tờ tùy thân mang tên ông Lê Thanh H là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 43D1- 924.26. Xét thấy xe mô tô này do chồng bị cáo tên là Trần Hoàng Q đứng tên chủ sở hữu. Anh Q mua xe mô tô này vào ngày 25/01/2021 tại cửa hàng xe máy TT và trả góp tài sản qua ngân hàng HD SG bằng thu nhập của anh Q. Mặc dù, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không tham gia cùng anh Q trả góp tài sản qua ngân hàng HD SG. Hơn nữa, việc bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện việc trộm cắp tài sản thì anh Q hoàn toàn không biết nên cần tuyên trả lại cho anh Q là phù hợp.

Đối với chiếc ví da màu nâu mà bị cáo D đã lấy trộm của ông Lê Thanh H. Qua điều tra bị hại khai chiếc ví đã cũ không còn giá trị, không yêu cầu định giá đối với tài sản trên là có căn cứ nên không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh D 03(Ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 03(Ba) năm tù của bản án này với hình phạt 06(Sáu) năm tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 01/2020/QĐ-CA ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng(gồm Bản án số 54/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tp Đà Nẵng và Bản án số 50/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân quận C, tp Đà Nẵng) buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh D phải chấp hành là 09(Chín) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, ngày 21 tháng 6 năm 2021.

II. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả lại cho anh Trần Hoàng Q 01 xe mô tô BKS 43D1- 924.26

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/ 5/2021).

III. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- Công an huyện H;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ